

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HSST

Ngày: 31/3/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Hoàng Hồng Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Trung Lan.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nghiêm Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông **Hoàng Trung Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Lâm Đồng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Hà Sỹ Đ** - sinh ngày 04/6/1987; tại: Đồng Nai. Trú tại: Ấp 1, xã W, huyện E, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Sỹ F, sinh năm 1947 và bà Trương Thị J, sinh năm 1950; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

**\*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Trần Viết Quỳnh H – Sinh năm 1967

Địa chỉ: TDP 1, TT Q, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

2/Chị Nguyễn Thị Thu K – Sinh năm 1988

Địa chỉ: TDP 5, TT Q, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

3/Chị Nguyễn Thị Hoa L – Sinh năm 1971

Địa chỉ: TDP 2, TT Q, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

4/Chị Mã Thị M – Sinh năm 1989

Địa chỉ: TDP 10, TT Q, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

5/Anh Trần Hậu N – Sinh năm 1984

Địa chỉ: TDP 4, TT Q, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

6/Chị Phan Thị Mỹ D1 – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 4, xã R, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

7/Anh Đinh Nhật T1 – Sinh năm 1986

Địa chỉ: TDP 6, TT Q, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

8/Chị Trần Thị N1 – Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

9/Anh Đặng Văn V – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn U, xã I, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

10/ Anh Đặng Văn H1 – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn U, xã I, huyện Q, Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

- 11/ Chị Hoàng Thị Khánh C1 – Sinh năm 1991  
Địa chỉ: Thôn 1, xã O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 12/ Chị Diệp Anh P1 – Sinh năm 1973  
Địa chỉ: Thôn 5, xã O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 13/ Chị Hoàng Thị V1 – Sinh năm 1976  
Địa chỉ: TDP 1, TT. O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 14/ Anh Lã Thái C1 – Sinh năm 1979  
Địa chỉ: TDP 10, TT. O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 15/ Chị Võ Thị Minh M1 – Sinh năm 2001  
Địa chỉ: TDP 7, TT. O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 16/ Chị Vũ Thị Kim T3 – Sinh năm 1983  
Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 17/ Chị Trương Thị Ngọc H3 – Sinh năm 1986  
Địa chỉ: Thôn 4, xã O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 18/ Chị Nguyễn Thị Ngọc H4 – Sinh năm 1991  
Địa chỉ: TDP 2, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 19/ Chị Phạm Thị Phương T2 – Sinh năm 1969  
Địa chỉ: TDP 8, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 20/ Anh Nguyễn Trường H5 – Sinh năm 1980  
Địa chỉ: TDP 1, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 21/ Chị Nguyễn Hoàng Mộng T4 – Sinh năm 1984  
Địa chỉ: TDP 3, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 22/Chị Nguyễn Thị Q1 - Sinh năm 1983  
Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 23/ Chị Trần Thị N2 - Sinh năm 1967  
Địa chỉ: TDP 6, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 24/ Anh Trịnh Ngọc L1 – Sinh năm 1991  
Địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 25/ Chị Trần Thị V2 – Sinh năm 1971  
Địa chỉ: Thôn 1, xã O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 26/ Chị Phạm Thị Thu Y1 – Sinh năm 1982  
Địa chỉ: TDP 2, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 27/ Chị Trần Thị S1 – Sinh năm 1985  
Địa chỉ: Thôn 3, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 28/ Ông Trần Minh K1 – Sinh năm 1962  
Địa chỉ: TDP 3, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 29/ Anh Huỳnh Thanh H2 – Sinh năm 1985  
Địa chỉ: TDP 3, TT. S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 30/Anh Trần Bình P1 – Sinh năm 1982  
Địa chỉ: Thôn 4, xã O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 31/ Anh Nguyễn Xuân B2– Sinh năm 1980  
Địa chỉ: TDP 6, TT. O, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 32/ Chị Nguyễn Thị C2– Sinh năm 1966  
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đa Oai, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”
- 33/ Ông Ngô Xuân G1– Sinh năm 1969  
Địa chỉ: Thôn 1, xã D, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng có đơn xin vắng”

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 24/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang Hà Sỹ Đ đang có hành vi thu tiền cho vay của anh Đặng Văn H1, trú tại thôn U, xã I, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng và thu giữ: Số tiền mặt 4.600.000 đồng trong túi quần; 01 bóp da trong có số tiền 5.140.000 đồng; 01 thẻ ATM của Agribank mang tên Hà Sỹ Đ, số thẻ 9704.050982239522; 01 chiếc xe mô tô hiệu Jupiter, biển kiểm soát 60B3-579.36. Trong đó, có 01 cuốn vở hiệu “Quang Tâm” có trang ghi chữ viết tay của Đ về số liệu cho vay lãi trên địa bàn huyện Q.

Quá trình khám xét khẩn cấp tại phòng trọ của Đ ở ấp W1, xã W2, huyện E, tỉnh Đồng Nai đã phát hiện thu giữ 01 cuốn vở nhãn hiệu TIE, có chữ viết tay của Đ ghi số liệu về việc cho vay lãi nặng; 01 tập giấy A4 gồm 14 tờ được kẻ thành nhiều cột, nhiều dòng, trong đó, có 06 tờ đã ghi tên và theo dõi việc góp tiền hàng ngày của những người đã và đang vay tiền của Đ; 01 giấy CMND mang tên Mã Thị M, sinh năm 1989, trú tại TDP 0, Thị trấn Q; 01 giấy CMND mang tên Lã Trọng M2, sinh năm 1988, trú tại Cao Bằng; 01 giấy Đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 49M4-5670 mang tên Lục Văn D2, trú tại TDP8, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra, Hà Sỹ Đ còn tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Q các giấy tờ tùy thân của những người thế chấp cho Đ để vay tiền gồm: 04 giấy CMND mang tên Trần Thị N1, sinh năm 1977, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 4, xã Z cũ), huyện Q; Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1992, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 3, xã Z cũ); Đặng Văn V, sinh năm 1991, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q và Đặng Văn H1, sinh năm 1992, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ) xã I, huyện Q; 04 sổ hộ khẩu gia đình số: 900029 do chị Dương Thị Thủy U1, trú tại TDP 3A, Thị trấn Q đứng tên chủ hộ, số 0358090276 do bà Lương Thị N3, trú tại Thôn U, xã I, huyện Q đứng tên chủ hộ, số 0398090405 do Đặng Văn V, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q đứng tên chủ hộ và sổ hộ khẩu không số do ông Chu Mạnh F1, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 4, xã Z cũ), huyện Q đứng tên chủ hộ.

Quá trình điều tra, xác định: Vào khoảng tháng 4/2019, Hà Sỹ Đ từ huyện E, tỉnh Đồng Nai đến địa bàn huyện Q, huyện P, tỉnh Lâm Đồng để hoạt động cho vay tiền trả góp với lãi suất cao. Để thực hiện việc cho vay, Đ in nhiều tờ rơi quảng cáo, trong đó có ghi số điện thoại của Đ với nội dung “cho vay tiền mặt – 0335 385335”. Khi có người muốn vay tiền và liên hệ qua số điện thoại, thì Đ tìm đến địa chỉ nhà và kiểm tra giấy tờ tùy thân, nếu thấy có khả năng trả nợ thì Đ cho người đó vay tiền bằng hình thức trả góp cả gốc và lãi hàng ngày. Những người mới vay tiền lần đầu thì Đ yêu cầu thế chấp các loại giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy phép lái xe, Giấy đăng ký xe,... còn những người Đ thấy tin tưởng thì không yêu cầu thế chấp. Sau đó, Đ cho vay tiền bằng hình thức trả góp cả gốc và lãi, với mức lãi xuất như sau: Người vay 1.000.000 đồng tiền gốc thì mỗi ngày phải trả góp cho Đ 40.000 đồng cả gốc và lãi trong vòng 32 ngày = 1.280.000 đồng. Tuy nhiên, có một số người thỏa thuận về mức lãi xuất thì Đ giảm mức lãi từ trả góp trong vòng 32 ngày xuống 30 ngày = 1.200.000 đồng. Với hình thức trả góp như trên thì xác định mức lãi xuất cho vay dân sự của Đ từ 243,33%/năm tới 319,375%/năm, vượt quá mức lãi xuất tối đa đối với mức lãi xuất theo Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm (vượt trên 05 lần). Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 7/2020, Hà Sỹ Đ đã thực hiện cho 15 người trên địa bàn huyện Q và 23 người trên địa bàn huyện P vay tiền. Cụ thể như sau:

**Thứ nhất, Hà Sỹ Đ đã thực hiện cho 15 người trên địa bàn huyện Q vay tiền:**

1. Chị Trần Viết Quỳnh H, sinh năm 1967, trú tại TDP 1B, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã vay của Đ 19 lần với tổng số tiền gốc là 145.000.000 đồng. Trong đó, có 17 lần vay với tổng số tiền gốc là 130.000.000 đồng, chị H đã trả đủ tiền gốc và lãi là 166.400.000 đồng, (Bao gồm: lãi theo quy định là 2.279.452 đồng; lãi thu lợi bất chính là 34.120.548 đồng).

Ngoài ra, chị Quỳnh H còn có 02 lần vay chưa trả hết gốc và lãi, cụ thể:

- 01 lần vay 5.000.000 đồng tiền gốc, đã góp được 14 ngày x 200.000đ/ngày = 2.800.000 đồng, (trong đó, tiền gốc đã trả là 2.187.500 đồng; lãi thu lợi bất chính là 574.144 đồng; lãi theo quy định là 38.356 đồng). Còn nợ gốc là 2.812.500 đồng và 787.500 đồng tiền lãi theo thỏa thuận);

- 01 lần vay 10.000.000 đồng tiền gốc, nhưng góp được 02 ngày x 400.000đ/ngày = 800.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 625.000 đồng, 164.041 đồng tiền lãi thu lợi bất chính và 10.959 đồng tiền lãi theo quy định; Còn nợ lại 9.375.000 đồng tiền gốc và 2.625.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho chị Quỳnh H vay tổng cộng 19 lần với tổng số tiền gốc là 145.000.000 đồng, đã thu được tổng cộng 170.000.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 132.812.500 đồng; lãi thu lợi bất chính là 34.858.733 đồng; lãi theo quy định là 2.328.767 đồng); còn lại 12.187.500 đồng tiền gốc và 3.412.500 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

2. chị Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1988, trú tại TDP 5C, Thị trấn Q, huyện Q, đã vay tiền của Đ 17 lần với tổng số tiền gốc là 125.000.000 đồng. Trong đó, có 15 lần vay với số tiền gốc là 110.000.000 đồng và chị K đã trả góp đủ cho Đ cả gốc, lãi là 140.800.000 đồng, (trong đó, số tiền lãi thu lợi bất chính là 28.871.233 đồng, số tiền lãi theo quy định là 1.928.767 đồng).

Ngoài ra, chị K còn vay 02 lần nhưng chưa trả góp đủ gốc và lãi, cụ thể:

- Ngày 03/7/2020, chị K vay 01 lần 5.000.000 đồng tiền gốc, chị K mới trả góp được 22 ngày x 200.000đ/ngày = 4.400.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 3.437.000 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 902.226 đồng, tiền lãi theo quy định là 60.274 đồng). Hiện, chị K vẫn còn nợ lại 1.562.500 đồng tiền gốc và 437.500 đồng tiền lãi theo thỏa thuận;

- Ngày 09/7/2020, chị K vay 01 lần là 10.000.000 đồng tiền gốc, chị K mới trả góp được 16 ngày x 400.000 đ/ngày = 6.400.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi bất chính là 1.312.329 đồng, tiền lãi theo quy định là 87.671 đồng). Chị K vẫn còn nợ lại 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.400.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho chị K vay 17 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 125.000.000 đồng, đã thu được tổng cộng 151.600.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 118.437.500 đồng; lãi thu lợi bất chính là 30.839.726 đồng; lãi theo quy định là 2.076.712 đồng); còn lại 6.562.500 đồng tiền gốc và 1.837.500 đồng tiền lãi theo thỏa thuận chưa trả cho Đ.

3. Chị Nguyễn Thị Hoa L, sinh năm 1971, trú tại TDP 2C, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã 04 lần vay tiền của Đ với tổng số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Chị L đã trả hết toàn bộ cả gốc và lãi xuất là 102.400.000 đồng (trong đó, số tiền thu lợi bất chính 20.997.260 đồng; số tiền lãi theo quy định 1.402.740 đồng).

4. Chị Mã Thị M, sinh năm 1989, trú tại TDP 10, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã 06 lần vay tiền của Đ với tổng số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Trong đó, có 05 lần vay với tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, chị M đã trả góp đủ cả gốc và lãi là 25.600.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.249.315 đồng, tiền lãi theo quy định là 350.685 đồng). Còn lần vay ngày 21/7/2020, với số tiền gốc là 5.000.000 đồng, chị M mới trả góp được 03 ngày x 200.000đ/ngày = 600.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 468.750 đồng, tiền thu lợi bất chính là 123.031 đồng, tiền lãi theo quy định là 8.219 đồng). Hiện, còn nợ tiền gốc là 4.531.250 đồng và 1.268.750 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho chị M vay 06 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 25.000.000 đồng, đã thu được tổng cộng 26.200.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 20.468.750 đồng; lãi thu lợi bất chính là 5.372.346 đồng; lãi theo quy định là 358.904 đồng); Hiện còn 4.531.250 đồng tiền gốc và 1.268.750 tiền lãi chưa thu được.

Khi vay tiền, chị M đã thế chấp cho Đ giấy chứng minh nhân dân mang tên Mã Thị M và giấy đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 49M4-5670 mang tên anh Lục Văn D2 (chồng chị M), các giấy tờ trên hiện Cơ quan điều tra Công an huyện Q đang tạm giữ.

5. Anh Trần Hậu N, sinh năm 1984, trú tại TDP4, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã có 01 lần vay tiền của Đ với số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Hiện, anh N đã trả hết toàn bộ cả gốc và lãi là 25.600.000 đồng (trong đó, số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.249.315 đồng, tiền lãi theo quy định là 350.685 đồng).

6. Chị Phan Thị Mỹ D1, sinh năm 1989, trú tại Thôn 4, xã R, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã có 01 lần vay tiền của Đ với số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Hiện, chị D1 đã trả hết toàn bộ cả tiền gốc và lãi là 6.000.000 đồng (trong đó, số tiền thu lợi bất chính là 917.808 đồng; số tiền lãi theo quy định là 82.192 đồng).

7. Anh Đinh Nhật T1, sinh năm 1986, trú tại TDP 6A, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đ đã 04 lần vay tiền của Đ với tổng số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Hiện, anh T1 đã trả hết toàn bộ cả tiền gốc và lãi là 32.000.000 đồng (trong đó, số tiền lãi thu lợi bất chính là 6.561.644 đồng, số tiền lãi theo quy định là 438.356 đồng).

8. Chị Trần Thị N1, trú tại thôn T, xã Y, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã 01 lần vay tiền của Đ với số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Hiện, chị N1 mới trả góp được 15 ngày x 200.000đ/ngày = 3.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 2.343.750 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 615.154 đồng, số tiền lãi theo quy định là 41.096 đồng). Còn nợ lại gốc là 2.656.250 đồng và 743.750 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Khi vay tiền, chị N1 đã thế chấp giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị N1 và sổ hộ khẩu của gia đình mang tên ông Chu Mạnh F1, trú tại thôn T, xã Y4 (Thôn 4, xã Z cũ), huyện Q làm chủ hộ. Do chị N1 chưa trả hết tiền nên Đ còn giữ các giấy tờ trên và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

9. Anh Đặng Văn V, trú tại thôn U, xã I, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã 01 lần vay tiền của Đ, với số tiền gốc là 4.000.000 đồng và trả góp được số tiền là 1.620.000 đồng (trong đó, số tiền gốc là 1.270.000 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 328.082 đồng; số tiền lãi theo quy định là 21.918 đồng). Còn nợ lại Đ số tiền gốc là 2.730.000 đồng và 770.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Khi vay tiền, anh V đã thế chấp giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn V và sổ hộ khẩu số 0398090405 do anh V đứng tên chủ hộ. Do anh V chưa trả hết tiền nên Đ còn giữ các giấy tờ trên và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

10. Anh Đặng Văn H1, trú tại thôn U, xã I, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã 01 lần vay tiền của Đ, với số tiền gốc là 4.000.000 đồng và mới trả góp được 05 ngày x 160.000đ/ngày = 800.000 đồng (trong đó, số tiền gốc là 625.000 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 164.041 đồng; số tiền lãi theo quy định là 10.959 đồng). Còn nợ lại Đ 3.375.000 đồng tiền gốc và 945.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Khi vay tiền, anh H1 đã thế chấp giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn H1 và sổ hộ khẩu số 0358090276 do bà Lương Thị N3, trú tại Thôn U, xã I, huyện Q đứng tên chủ hộ. Do anh H1 chưa trả hết tiền nên Đ còn giữ các giấy tờ trên của anh H1 và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho 10 người tại địa bàn huyện Q vay tiền với mức lãi suất cho vay từ 243,33%/năm đến 319,375%/năm gấp từ 12,17 đến 15,97 lần so với lãi suất quy định trong BLDS để thu lợi bất chính. Trong đó, Đ sử dụng tổng số tiền gốc cho vay là 438.000.000 đồng; tổng số tiền gốc đã thu được là 405.957.500 đồng; Tổng số tiền thu lợi bất chính là 105.904.109 đồng; Tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật là 7.112.329 đồng; Tổng số tiền gốc còn nợ là 32.042.500 đồng; tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chưa thu được là 8.997.500 đồng.

Ngoài ra, còn 05 trường hợp vay tiền, chưa xác định được lai lịch và hiện chưa làm việc được, gồm:

1. Chị Trần Thị O2, sinh năm 1962, trú tại TDP3C, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã vay 04 lần với tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Trong đó, có 03 lần vay với tổng số tiền gốc là 15.000.000 đồng, chị O2 đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 19.200.000 đồng (trong đó, lãi thu lợi bất chính là 3.936.986 đồng; lãi theo quy định là 263.014 đồng). Còn lần cuối cùng chị O2 vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng và trả góp được 03 ngày x 200.000đ/ngày = 600.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 468.750 đồng; lãi thu lợi bất chính là 123.031 đồng; lãi theo quy định là 8.219 đồng), vẫn còn nợ lại 4.531.250 đồng tiền gốc và 1.268.750 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho chị O2 vay tổng cộng 04 lần với số tiền gốc cho vay là 20.000.000 đồng, đã thu được tổng cộng 19.800.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 15.468.750 đồng; lãi bất chính là 4.060.017 đồng; lãi theo quy định là 271.233 đồng); còn lại 4.531.250 đồng tiền gốc và 1.268.750 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Khi cho chị O2 vay tiền, Đ có yêu cầu thế chấp giấy tờ tùy thân và đã trả lại cho chị O2. Hiện chị Trần Thị O2 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chị O2 để xác nhận các nội dung trên.

2. Chị Dương Thị Thủy U1, sinh năm 1977, trú tại TDP1C, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã có 05 lần vay tiền của Đ với tổng số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Trong đó, có 04 lần vay với tổng số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền đã thu là 51.200.000 đồng (trong đó, tiền lãi thu lợi bất chính là 10.498.630 đồng; tiền lãi theo quy định là 701.370 đồng). Còn 01 lần sau cùng chị U1 vay số tiền 5.000.000 đồng tiền gốc và trả góp được 24 ngày x 200.000đ/ngày = 4.800.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 3.750.000 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 984.247 đồng; tiền lãi theo quy định là 65.753 đồng). Còn nợ lại 1.250.000 đồng tiền gốc và 350.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho chị U1 vay tổng cộng 05 lần với số tiền gốc cho vay là 45.000.000 đồng, đã thu được tổng cộng 56.000.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 43.750.000 đồng; lãi bất chính là 11.482.877 đồng; lãi theo quy định là 767.123 đồng); còn lại 1.250.000 đồng tiền gốc và 350.000 đồng tiền lãi chưa thu được.

Khi vay tiền, chị Dương Thị Thủy U1 đã thế chấp Sổ hộ khẩu số: 900029 do chị U1 đứng tên chủ hộ, Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Hiện chị Dương Thị Thủy U1 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chị U1 để xác nhận các nội dung trên.

3. Chị Công Huyền Tôn Nữ Thị Mỹ A1, trú tại TDP1C, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã 06 lần vay tiền của Đ với tổng số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Trong đó, có 04 lần vay với số tiền gốc là 30.000.000 đồng, chị A1 đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 38.400.000 đồng (trong đó, tiền thu lợi bất chính là 7.873.973 đồng; tiền lãi theo quy định là 526.027 đồng). Còn 02 lần sau cùng chị A1 chưa trả góp đủ cho Đ, cụ thể: 01 lần vay 10.000.000 đồng tiền gốc, chị A1 mới trả góp được 10 ngày x 400.000 đ/ngày = 4.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 3.125.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 820.205 đồng; lãi theo quy định là 54.795 đồng). Còn nợ lại 6.875.000 đồng tiền gốc và 1.925.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận; 01 lần vay 5.000.000 đồng tiền gốc, chị A1 mới trả góp được 08 ngày x 200.000đ/ngày = 1.600.000 đồng (trong đó, tiền gốc 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 328.082 đồng, lãi theo quy định là 21.918 đồng). Còn nợ lại 3.750.000 đồng tiền gốc và 1.050.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho chị A1 vay tổng cộng 06 lần với số tiền gốc cho vay là 45.000.000 đồng, đã thu được tổng cộng 44.000.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 34.375.000 đồng; tiền lãi bất chính là 9.022.260 đồng; tiền lãi theo quy định là 602.740 đồng); còn lại 10.625.000 đồng tiền gốc và 2.975.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận. Khi cho vay tiền, Đ có yêu cầu thế chấp giấy tờ tùy thân nhưng Đ đã trả lại giấy tờ cho chị A1. Hiện chị Công Huyền Tôn Nữ Thị Mỹ A1 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chị A1 để xác nhận các nội dung trên.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng X, trú tại Thôn T, xã Y, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã có tổng cộng 05 lần vay tiền của Đồng với tổng số tiền gốc là 33.000.000 đồng. Trong đó, có 04 lần vay với số tiền gốc là 25.500.000 đồng, chị X đã trả góp đủ cho Đồng cả gốc và lãi là 32.640.000 đồng (trong đó, số tiền thu lợi bất chính là 6.692.877 đồng, số tiền lãi theo quy định là 447.123 đồng). Còn 01 lần sau cùng chị X vay 7.500.000 đồng tiền gốc, chị X mới trả góp được 07 ngày x 300.000 đ/ngày = 2.100.000 đồng tiền gốc và lãi (trong đó, số tiền gốc là 1.640.625 đồng; số tiền lãi bất chính là 430.608 đồng; số tiền lãi theo quy định là 28.767 đồng). Còn nợ lại 5.859.375 đồng tiền gốc và 1.640.625 đồng tiền lãi theo thỏa thuận.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho chị X vay tổng cộng 05 lần với số tiền gốc cho vay là 33.000.000 đồng, đã thu được tổng cộng 34.740.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 27.140.625 đồng; tiền lãi bất chính là 7.123.485 đồng; tiền lãi theo quy định là 475.890 đồng); còn lại 5.859.375 đồng tiền gốc và 1.640.625 đồng tiền lãi theo thỏa thuận. Khi vay tiền, chị X đã thế chấp giấy CMND mang tên Nguyễn Thị Hồng X. Tại Cơ quan điều tra, Đ đã tự nguyện giao nộp.

Hiện chị Nguyễn Thị Hồng X không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được để xác nhận nội dung trên.

5. Anh Nguyễn Văn X2, trú tại Thôn 3, xã Y, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã có 01 lần vay tiền của Đ, với số tiền gốc là 3.000.000 đồng. Anh X2 đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 3.840.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 787.397 đồng, số tiền lãi theo quy định là 52.603 đồng).

Hiện anh Nguyễn Văn X2 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh X2 để xác nhận số tiền vay trên.

Như vậy, Hà Sỹ Đ đã cho 05 người trên vay tiền, với lãi suất cho vay từ 243,33%/năm đến 319,375%/năm gấp từ 12,17 đến 15,97 lần so với lãi suất quy định trong BLDS. Tổng số tiền gốc cho vay là 146.000.000 đồng; tổng số tiền gốc đã thu được là 123.734.375 đồng; Tổng số tiền thu lợi bất chính là 32.476.036 đồng; Tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.169.589 đồng; Tổng số tiền gốc còn nợ là 22.265.625 đồng; tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chưa thu được là 6.234.375 đồng.

**Thứ hai, Hà Sỹ Đ đã thực hiện cho 23 người trên địa bàn huyện P vay tiền:**

1. Chị Hoàng Thị Khánh C1, sinh năm 1991, trú tại Thôn 1, xã P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng tháng 4/2020, đã có 02 lần vay tiền của Đồng với số tiền gốc là 10.000.000 đồng, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 12.800.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 2.624.658 đồng, số tiền lãi theo quy định là 175.342 đồng).

2. Chị Diệp Anh P1, sinh năm 1973, trú tại Thôn 5, xã P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị P1 vay tiền 01 lần với số tiền là 5.000.000đ, Đồng đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 6.400.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 1.312.329 đồng, số tiền lãi theo quy định là 87.671 đồng). Hà

3. Chị Hoàng Thị V1, sinh năm 1976, trú tại Tổ dân phố 1, Thị trấn P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng đầu năm 2020, Hà Sỹ Đ đã cho chị V1 vay tiền 02 lần, mỗi lần là 5.000.000đ, tổng cộng 2 lần là 10.000.000đ, gồm:

- Lần thứ 1: Đ cho chị V1 vay số tiền là: 5.000.000 đồng, đã thu đủ số tiền cả gốc và lãi là 6.400.000 đồng. (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 1.312.329 đồng, số tiền lãi theo quy định là 87.671 đồng)

- Lần thứ 2: Đ tiếp tục cho chị V1 vay số tiền là: 5.000.000 đồng, Đ mi thu được 10 ngày với số tiền là 2.000.000 đồng. (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 410.103 đồng, số tiền lãi theo quy định là 27.397 đồng). Số tiền gốc còn nợ là 3.437.500 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi đã thu được là 8.400.000đ (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 1.722.432 đồng, số tiền lãi theo quy định là 115.068 đồng) số tiền còn nợ là 3.437.500 đồng, lãi còn nợ là 962.500 đồng.

4. Anh Lã Thái C1, sinh năm 1979, trú tại Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2020, Hà Sỹ Đ đã cho anh C1 vay tiền 02 lần, mỗi lần 5.000.000đ, tổng cộng 2 lần là 10.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 12.800.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 2.624.658 đồng, số tiền lãi theo quy định là 175.342 đồng).
5. Chị Võ Thị Minh M1, sinh năm 2001, trú tại Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Vào khoảng tháng 3 năm 2020, Hà Sỹ Đ đã cho chị M1 vay tiền 01 lần với số tiền là 10.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 12.800.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 2.624.658 đồng, số tiền lãi theo quy định là 175.342 đồng).
6. Chị Vũ Thị Kim T3, sinh năm 1983, trú tại Thôn 3, xã A, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị T3 vay tiền 02 lần, lần thứ 1 là 15.000.000đ, lần thứ hai là 20.000.000đ, tổng cộng 2 lần là 35.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 44.800.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 9.186.301 đồng, số tiền lãi theo quy định là 613.699 đồng).
7. Chị Trương Thị Ngọc H3, sinh năm 1986, trú tại Thôn 4, xã P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị H3 vay tiền 05 lần, mỗi lần 10.000.000đ, tổng cộng 5 lần là 50.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 64.000.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 13.123.288 đồng, số tiền lãi theo quy định là 876.712 đồng).
8. Chị Nguyễn Thị Ngọc H4, sinh năm 1991, trú tại Tổ dân phố 2, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị H4 vay tiền 01 lần với số tiền là 2.500.000 đ, đã góp đủ số tiền cả gốc và lãi là 3.200.000 đồng. (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 656.164 đồng, số tiền lãi theo quy định là 43.836 đồng).
9. Chị Phạm Thị Phương T2, sinh năm 1969, trú tại Tổ dân phố 8, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng đầu tháng 6 năm 2020, Hà Sỹ Đ đã cho chị T2 vay tiền 03 lần, mỗi lần 5.000.000đ, tổng cộng 3 lần là 15.000.000đ, đã góp đủ số tiền cả gốc và lãi là 19.200.000 đồng. (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 3.936.986 đồng, số tiền lãi theo quy định là 263.014 đồng).
10. Anh Nguyễn Trường H5, sinh năm 1980, trú tại Thôn 1, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho anh H5 vay tiền 02 lần, lần thứ 1 là 20.000.000đ, lần thứ hai là 10.000.000đ, tổng cộng 2 lần là 30.000.000đ, đã góp đủ số tiền cả gốc và lãi là 38.400.000 đồng. (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 7.873.973 đồng, số tiền lãi theo quy định là 526.027 đồng).
11. Chị Nguyễn Hoàng Mộng T4, sinh năm: 1984, trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Vào khoảng tháng 3 năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị T4 vay tiền 01 lần với số tiền là 10.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 12.800.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 2.624.658 đồng, số tiền lãi theo quy định là 175.342 đồng).
12. Chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1983, trú tại Thôn 1, xã A, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị Q1 vay tiền 06 lần, mỗi lần 5.000.000đ, tổng cộng 6 lần là 30.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 38.400.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 7.873.973 đồng, số tiền lãi theo quy định là 526.027 đồng).
13. Chị Trần Thị N2, sinh năm 1967, trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Vào khoảng tháng 6 năm 2020, Hà Sỹ Đ đã cho bà N2 vay tiền 01 lần với số tiền là 30.000.000đ. Đ đã bớt cho bà N2 số tiền là 2.400.000đ (tương đương với 2 ngày trả góp), tổng cộng Đ đã thu cả gốc và lãi là 36.000.000 đồng. (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 5.473.973 đồng, số tiền lãi theo quy định là 526.027 đồng).
14. Anh Trịnh Ngọc L1, sinh năm 1991, trú tại Thôn 2, xã D, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng giữa năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho anh Lưu vay tiền 03 lần, mỗi lần



5.000.000đ, tổng cộng 3 lần là 15.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 19.200.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 3.936.986 đồng, số tiền lãi theo quy định là 263.014 đồng).

15. Chị Trần Thị Hồng V2 sinh năm 1971, trú tại Thôn 1, xã P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng giữa năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị V2 vay tiền 08 lần, mỗi lần 5.000.000đ, tổng cộng 8 lần là 40.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 51.200.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 10.498.630 đồng, số tiền lãi theo quy định là 701.370 đồng)

16. Chị Phạm Thị Thu Y1, sinh năm 1982, trú tại Tổ dân phố 2, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị Y1 vay tiền 02 lần, lần thứ 1 là 10.000.000đ, lần thứ hai là 5.000.000đ, tổng cộng 2 lần là 15.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 19.200.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 3.936.986 đồng, số tiền lãi theo quy định là 263.014 đồng)

17. Chị Trần Thị S1, sinh năm 1985, trú tại Thôn 3, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Vào khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị S1 vay tiền 01 lần với số tiền là 30.000.000đ. Tuy nhiên, chị S1 trả được 7 ngày, với số tiền là 7.700.000đ (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 584.932 đồng, số tiền lãi theo quy định là 115.068 đồng), số tiền còn nợ là 23.000.000 đồng, lãi còn nợ là 7.700.000đ.

18. Anh Lê Minh K1, sinh năm 1962, trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho ông K1 vay tiền 05 lần, mỗi lần 10.000.000đ, tổng cộng 5 lần là 50.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 64.000.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 13.123.288 đồng, số tiền lãi theo quy định là 876.712 đồng)

19. Anh Huỳnh Thanh H2, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Khoảng cuối năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho anh H2 vay tiền 01 lần với số tiền là 5.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 6.400.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 1.312.329 đồng, số tiền lãi theo quy định là 87.671 đồng)

20. Anh Trần Bình P1, sinh năm 1982, trú tại Thôn 4, xã P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng tháng 4 năm 2020, Hà Sỹ Đ đã cho anh P1 vay tiền 02 lần với số tiền là 7.500.000đ. đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 9.600.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 1.968.493 đồng, số tiền lãi theo quy định là 131.507 đồng)

21. Anh Ngô Xuân G1, sinh năm 1969, trú tại Thôn 1, xã D, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng giữa năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho anh G1 vay tiền 04 lần, gồm 2 lần mỗi lần là 5.000.000đ và 2 lần mỗi lần là 10.000.000đ, tổng cộng 4 lần là 30.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 38.400.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 7.873.973 đồng, số tiền lãi theo quy định là 526.027 đồng)

22. Anh Nguyễn Xuân B2, sinh năm 1980, trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng tháng 4 năm 2020, Hà Sỹ Đ đã cho anh B2 vay tiền 03 lần, mỗi lần là 10.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 38.400.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 7.873.973 đồng, số tiền lãi theo quy định là 526.027 đồng)

23. Chị Nguyễn Thị C2, sinh năm 1966, trú tại Thôn 5, xã Đa Oai, huyện P, tỉnh Lâm Đồng. Từ khoảng giữa năm 2019, Hà Sỹ Đ đã cho chị C2 vay tiền 06 lần, gồm: 4 lần mỗi lần là 2.500.000đ và 2 lần mỗi lần là 5.000.000đ, tổng cộng 6 lần là 20.000.000đ, đã trả góp đủ cho Đ cả gốc và lãi là 25.600.000 đồng (trong đó, số tiền đã thu lợi bất chính 5.249.315 đồng, số tiền lãi theo quy định là 350.685 đồng)

Như vậy, khoảng đầu năm 2019 đến tháng 7 năm 2020, bị can Hà Sỹ Đ đã sử dụng tổng số tiền gốc để cho 23 người tại địa bàn huyện P vay tiền là 490.000.000đ. Lãi suất cho vay trong giao dịch dân sự từ 121,67%/năm đến 319,38%/năm gấp từ 12,17 đến 15,97 lần so với lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS và đã thu về được tổng số tiền

gốc là 466.100.000 đồng; thu được tổng số tiền thu lợi bất chính là 118.016.956 đồng và thu được tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật là 8.120.544 đồng; tổng số tiền gốc chưa thu được là 26.437.500 đồng; tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chưa thu được là 8.662.500 đồng.

Ngoài ra, Hà Sỹ Đ còn thừa nhận cho 09 người vay tiền tại huyện P, cụ thể:

1. Trịnh Thị H9, sinh năm 1982, trú tại Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
2. Nguyễn Văn A9, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
3. Hoàng Thị T9, sinh năm 1989, nơi ở: Tổ dân phố 4 thị trấn P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
4. Đinh Duy V9, sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
5. Nguyễn Thị H8, sinh năm 1984, trú tại Thôn Bình An, xã Phước Lộc, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
6. Trần Văn T7, sinh năm 1980, trú tại Thôn 2, xã P, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
7. Trương Thị V3, sinh năm 1975, trú tại Thôn 1, xã Đa Oai, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
8. Trương Thị Ngọc Y9, sinh năm 1964, trú tại Thôn 3, xã A, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.
9. Nguyễn Văn R9, sinh năm 1984, trú tại Thôn 1, xã A, huyện P, tỉnh Lâm Đồng.

Tuy nhiên, đối với những trường hợp trên, bị can Đ thừa nhận có cho vay nhưng do thời gian đã lâu nên bị can không nhớ, không xác định được chính xác, cụ thể số tiền, số lần đã cho vay. Đ thời, hiện tại 9 người này không có mặt ở địa phương. Cơ quan CSĐT Công an huyện P chưa làm việc được với những người này để xác định số tiền, số lần họ đã vay của bị can Đ. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện P tách ra để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ theo công văn số 789/LAĐ-TTGSNH, ngày 29/10/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn về cách tính lãi suất và áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2020, Hà Sỹ Đ đã sử dụng tổng số tiền gốc là 1.074.000.000 đồng cho 15 người tại địa bàn huyện Q và 23 người tại địa bàn huyện P vay tiền, lãi suất cho vay trong giao dịch dân sự từ 121,67%/năm đến 319,38%/năm gấp từ 12,17 đến 15,97 lần so với lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS và đã thu về được tổng số tiền gốc là 993.691.875 đồng; thu được tổng số tiền thu lợi bất chính là 255.959.601 đồng và thu được tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật là 17.402.462 đồng; tổng số tiền gốc chưa thu được là 80.308.125 đồng; tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chưa thu được là 18.911.875 đồng.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSĐT ngày 09/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Hà Sỹ Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo Hà Sỹ Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm b, s Khoản 1, Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước và rút tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Hà Sỹ Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2020, Hà Sỹ Đ đã sử dụng tổng số tiền gốc là 1.074.000.000 đồng cho 15 người tại địa bàn huyện Q và 23 người tại địa bàn huyện P vay tiền, lãi suất cho vay trong giao dịch dân sự từ 121,67%/năm đến 319,38%/năm gấp từ 12,17 đến 15,97 lần so với lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS và đã thu về được tổng số tiền gốc là 993.691.875 đồng; thu được tổng số tiền thu lợi bất chính là 255.959.601 đồng và thu được tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật là 17.402.462 đồng; Tổng số tiền gốc chưa thu được là 80.308.125 đồng; tổng số tiền lãi theo thỏa thuận chưa thu được là 18.911.875 đồng. Trong đó, Đ cho 33 người vay đã làm việc với số tiền gốc là 928.000.000 đồng; tổng số tiền gốc đã thu được là 869.957.500 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là 223.483.565 đồng; tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật là 15.232.873 đồng; tổng số tiền gốc còn nợ là 58.042.500 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật cấm, nhưng vì chủ quan, xem thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị can thực hiện hành vi cho vay lãi nặng ở huyện P và huyện Q trong một thời gian liên tục với số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội đều trên 100 triệu đồng nên bị cáo phải chịu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, cần phải xử nghiêm bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo với số tiền nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước, cũng đủ để cải tạo, răn đe đối với bị cáo đồng thời phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[4] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vay tiền của Đ, bị Đ thu lợi phần lãi suất vượt quá mức tối đa do Bộ luật dân sự quy định. Trong đó, lãi hợp pháp là 17.402.462 đồng, thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng là 255.959.601 đồng. Qua làm việc với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị O2, Dương Thị Thủy U1, Công Huyền Tôn Nữ Thị Mỹ A1, Nguyễn Thị Hồng X và anh Nguyễn Văn Ngọc, Trần Thị N1, Đặng Văn H1, Đặng Văn V được xác định có vay tiền của Đ, bị Đ chiếm lợi nhưng Cơ quan điều tra chưa làm việc được để xác định mục đích vay tiền có hợp pháp không để trả lại hay tịch thu sung công quỹ Nhà Nước. Vì vậy, Cơ

quan điều tra đã tách riêng đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và sau này có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết thành một vụ việc dân sự.

[5] Biện pháp tư pháp:

-Buộc bị cáo nộp lại số tiền gốc cho vay là 869.957.500 đồng (Tám trăm sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo Đ đã nộp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục một phần hậu quả theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001783 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q. Như vậy số tiền bị cáo còn phải nộp là 819.957.500 đồng (Tám trăm mười chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền những người vay đã đóng vượt quy định không nhận lại là 223.483.565 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

-Tổng số tiền lãi theo quy định bị cáo được phép nhận là 15.232.873 đồng, cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

-Buộc những người vay còn nợ bị cáo phải nộp lại số tiền còn nợ để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

Bà Trần Viết Quỳnh H phải nộp lại số tiền 12.187.500 đồng;

Chị Nguyễn Thị Thu K phải nộp lại số tiền 6.562.500 đồng;

Chị Mã Thị M còn nợ 4.531.250 đồng.

Chị Trần Thị N1 phải nộp lại số tiền 2.656.250 đồng;

Anh Đặng Văn V nộp lại số tiền 2.730.000 đồng;

Anh Đặng Văn H1 phải nộp lại số tiền 3.375.000 đồng;

Bà Trần Thị S1 phải nộp lại số tiền 23.000.000đồng;

Chị Hoàng Thị V1 phải nộp lại số tiền 3.000.000 đồng.

[6] Về vật chứng vụ án:

*Cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:*

-01 bóp da đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

-01 thẻ ATM của AGRIBANK mang tên Hà Sỹ Đ, số thẻ 9704.050982239522, số tài khoản 5403205085231 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

-01 Sim điện thoại số 0983.480709.

*Sung quỹ Nhà nước số tiền và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội:*

- Số tiền mặt là 9.740.000 đồng của bị cáo do thực hiện việc cho vay lãi nặng có được nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 5.274.000 đồng có trong tài khoản số 5403205085231 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn do thực hiện hành vi cho vay lãi nặng có được. Hiện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Q đang phong tỏa tài khoản trên;

-01 chiếc xe mô tô hiệu Jupiter, biển kiểm soát 60B3-529.36, số máy: E3S1E 091256, số khung: 1340HY054302 (kèm giấy Đăng ký xe mang tên Hà Sỹ Đ). Xe đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên phải. Đây là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia model 105, IMEI 1: 353109118139817, IMEI 2:353109119139816 và 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Joy 3, IMEI 1: 351726114846848, IMEI 2: 351726114846855 không có sim; xét thấy đây là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

*Trả lại các giấy tờ cho các ông bà có tên như sau:*

-01 giấy CMND mang tên Mã Thị M, sinh năm 1989, trú tại TDP 10, Thị trấn Q trả lại cho bà M;

-01 giấy Đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 49M4-5670 mang tên Lục Văn D2 (chồng chị M), trú tại TDP 8B, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng là tài sản của anh



Lục Văn D2 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh D2 (chồng chị Mã Thị M).

-01 giấy chứng minh mang tên Trần Thị N1, sinh năm 1977, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 4, xã Z cũ), huyện Q là tài sản của chị Trần Thị N1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị Trần Thị N1.

-01 giấy chứng minh mang tên Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1992, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 3, xã Z cũ), huyện Q là tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng X không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị X.

-01 giấy chứng minh mang tên Đặng Văn V, sinh năm 1991, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q. Đây là tài sản của anh Đặng Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh V.

- 01 giấy chứng minh mang tên Đặng Văn H1, sinh năm 1992, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q. Đây là tài sản của anh Đặng Văn H1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh H1.

-01 sổ hộ khẩu gia đình số: 900029 của chủ hộ Dương Thị Thủy U1, trú tại TDP3A, Thị trấn Q; Đây là tài sản của chị Dương Thị Thủy U1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị U1.

-01 sổ hộ khẩu gia đình số: số 0358090276 của chủ hộ Lương Thị N3, trú tại Thôn U, xã I, huyện Q; Đây là tài sản của hộ gia đình chị Lương Thị Viễn không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị Lương Thị Viễn.

-01 sổ hộ khẩu gia đình số: số 0398090405 của chủ hộ Đặng Văn V, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q. Đây là tài sản của hộ gia đình anh Đặng Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Đặng Văn V.

-01 sổ hộ khẩu không số của chủ hộ Chu Mạnh F1, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 4, xã Z cũ), huyện Q. Đây là tài sản của hộ gia đình anh Chu Mạnh F1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Chu Mạnh F1.

- Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ tại chỗ ở (phòng trọ) của Đ 01 cuốn vở nhãn hiệu TIE, có chữ viết tay của Đ ghi số liệu về việc cho vay lãi nặng; 01 tập giấy A4 gồm 14 tờ, trong đó có 06 tờ đã ghi tên những người đã và đang vay tiền của Đ;

Đối với cuốn vở hiệu “Quang Tâm” có trang ghi chữ viết tay của Đ về số liệu cho vay lãi nặng thu giữ khi bắt quả tang, 01 cuốn vở nhãn hiệu TIE, có chữ viết tay của Đ ghi số liệu về việc cho vay lãi nặng, tập giấy A4 gồm 14 tờ, trong đó có 06 tờ đã ghi tên những người đã và đang vay tiền của Đ là các tài liệu thể hiện hoạt động cho vay lãi nặng của Đ. Vì vậy, Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Đ là phù hợp;

Đối với 01 giấy CMND mang tên Lã Trọng M2, sinh năm 1988, trú tại Hùng Quốc, Trà Lĩnh, Cao Bằng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định do Đ nhặt được nên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Hà Sỹ Đ.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Hà Sỹ Đ phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Căn cứ vào Khoản 2, Điều 201; Điểm b, s, khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Sỹ Đ số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

**2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự.**

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền gốc cho vay là 869.957.500 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Đ đã nộp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để khắc phục một phần hậu quả theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001783 ngày 19/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q. Như vậy số tiền bị cáo còn phải nộp là 819.957.500 đồng (Tám trăm mười chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền những người vay đã đóng vượt quy định không nhận lại là 223.483.565 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi theo quy định bị cáo được phép nhận là 15.232.873 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc những người vay còn nợ bị cáo phải nộp lại số tiền phải trả sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

Bà Trần Viết Quỳnh H phải nộp lại số tiền 12.187.500 đồng;

Chị Nguyễn Thị Thu K phải nộp lại số tiền 6.562.500 đồng;

Chị Mã Thị M còn nợ 4.531.250 đồng.

Chị Trần Thị N1 phải nộp lại số tiền 2.656.250 đồng;

Anh Đặng Văn V nộp lại số tiền 2.730.000 đồng;

Anh Đặng Văn H1 phải nộp lại số tiền 3.375.000 đồng;

Bà Trần Thị S1 phải nộp lại số tiền 23.000.000 đồng;

Chị Hoàng Thị V1 phải nộp lại số tiền 3.000.000 đồng.

**3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2,3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.**

+Tịch thu tiêu hủy:

- 01 bốp da đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

-01 thẻ ATM của AGRIBANK mang tên Hà Sỹ Đ, số thẻ 9704.050982239522, số tài khoản 5403205085231 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

-01 Sim điện thoại số 0983.480709.

+Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm:

- Số tiền mặt là 9.740.000 đồng của bị cáo Hà Sỹ Đ. Số tiền trên đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Q theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 29/12/2020.

-Số tiền 5.274.000 đồng có trong tài khoản số 5403205085231 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hiện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Q đang phong tỏa tài khoản trên;

-01 chiếc xe mô tô hiệu Jupiter, biển kiểm soát 60B3-529.36, số máy: E3S1E 091256, số khung: 1340HY054302.

-01 điện thoại di động hiệu Nokia model 105, IMEI 1: 353109118139817, IMEI 2: 353109119139816, có gắn Sim điện thoại số 0983.480709 và 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Joy 3, IMEI 1: 351726114846848, IMEI 2: 351726114846855 không có sim.

+Trả lại các giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội:

-01 giấy CMND mang tên Mã Thị M, sinh năm 1989, trú tại TDP 10, Thị trấn Q

-01 giấy Đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 49M4-5670 mang tên Lục Văn D2, trú tại TDP 8B, Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Lâm Đồng là tài sản của anh Lục Văn D2 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh D2.

-01 giấy chứng minh mang tên Trần Thị N1, sinh năm 1977, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 4, xã Z cũ), huyện Q là tài sản của chị Trần Thị N1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị N1.

-01 giấy chứng minh mang tên Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1992, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 3, xã Z cũ), huyện Q là tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng X không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị X.

-01 giấy chứng minh mang tên Đặng Văn V, sinh năm 1991, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q. Đây là tài sản của anh Đặng Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh V.

- 01 giấy chứng minh mang tên Đặng Văn H1, sinh năm 1992, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q. Đây là tài sản của anh Đặng Văn H1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh H1.

-01 sổ hộ khẩu gia đình số: 900029 của chủ hộ Dương Thị Thủy U1, trú tại TDP3A, Thị trấn Q; Đây là tài sản của chị Dương Thị Thủy U1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị U1.

-01 sổ hộ khẩu gia đình số: số 0358090276 của chủ hộ Lương Thị N3, trú tại Thôn U, xã I, huyện Q; Đây là tài sản của hộ gia đình chị Lương Thị Viễn không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị Lương Thị N3.

-01 sổ hộ khẩu gia đình số: số 0398090405 của chủ hộ Đặng Văn V, trú tại Thôn U(Thôn 5 cũ), xã I, huyện Q. Đây là tài sản của hộ gia đình anh Đặng Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Đặng Văn V.

-01 sổ hộ khẩu không số của chủ hộ Chu Mạnh F1, trú tại Thôn T, xã Y(Thôn 4, xã Z cũ), huyện Q. Đây là tài sản của hộ gia đình anh Chu Mạnh F1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Chu Mạnh F1.

Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28/12/2020.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đ phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo nội dung bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Mỹ Diễm**